

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGÔ GIA TỰ
 KIỂM TRA HỌC GIỮA HỌC KỲ I
 Năm học: 2026-2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THEO PHÒNG KIỂM TRA

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
1	12000010	Đỗ Hà Anh	12B01	010				004	
2	12000014	Nguyễn Ngọc Châu Anh	12B01	014				007	
3	12000023	Văn Nữ Hoàng Anh	12B01	004				001	
4	12000030	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12B01	011				006	
5	12000048	Nguyễn Hữu Gia Bảo	12B01	010				004	
6	12000077	Nguyễn Thị Kiều Diễm	12B01	001				009	
7	12000093	Phạm Thị Thùy Dương	12B01	017				009	
8	12000097	Bùi Thành Đạt	12B01	002				001	
9	12000102	Nguyễn Thành Đạt	12B01	007				003	
10	12000108	Nguyễn Vũ Khánh Đăng	12B01	013				006	
11	12000125	Hoàng Thị Thúy Hằng	12B01	011				004	
12	12000137	Vũ Trọng Hiếu	12B01	004				010	
13	12000154	Nguyễn Thị Xuân Huệ	12B01	002				007	
14	12000164	Nguyễn Kim Huyền	12B01	012				003	
15	12000173	Phùng Tuấn Khang	12B01	002				008	
16	12000189	Huỳnh Mai Lan	12B01	018				005	
17	12000201	Nguyễn Thị Thùy Linh	12B01	011				001	
18	12000220	Trần Thị Trúc Ly	12B01	011				003	
19	12000234	Nguyễn Trần Bình Minh	12B01	006				001	
20	12000244	H - Ne Ra-êban	12B01	016				007	
21	12000245	Nguyễn Thị Nga	12B01	017				008	
22	12000250	Nguyễn Hà Ngân	12B01	003				002	
23	12000253	Trương Thị Kim Ngân	12B01	006				004	
24	12000271	Nguyễn Thảo Nguyên	12B01	005				004	
25	12000275	Hoàng Đức Nhân	12B01	009				006	
26	12000291	Nguyễn Thị Bảo Nhi	12B01	006				002	
27	12000301	H-Như-Byă	12B01	016				005	
28	12000304	Phạm Băng Như	12B01	019				007	
29	12000305	Trần Thị Quỳnh Như	12B01	001				008	
30	12000328	Bùi Mai Phương	12B01	005				008	
31	12000341	Nguyễn Thị Sen	12B01	018				003	
32	12000355	Đỗ Nguyên Uyên Thảo	12B01	013				010	
33	12000434	Lê Thị Vi	12B01	016				002	
34	12000438	Nguyễn Hà Uy Vũ	12B01	001				005	
35	12000451	Hồ Thị Mỹ Yến	12B01	014				001	
36	12000054	Võ Thị Ngọc Bích	12B02	016				008	
37	12000055	Y Bình Không	12B02	017				009	

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
38	12000064	Võ Thị Hải Châu	12B02	007				002	
39	12000074	Lê Thị Ngọc Diễm	12B02	017				007	
40	12000075	Nguyễn Ngọc Diễm	12B02	018				008	
41	12000078	Bùi Thị Hồng Diệu	12B02	002				010	
42	12000087	Hứa Mỹ Duyên	12B02	011				006	
43	12000092	Ngô Đặng Thùy Dương	12B02	016				008	
44	12000096	Vũ Lê Nhã Đan	12B02	001				010	
45	12000120	Đỗ Thị Nhật Hạ	12B02	006				003	
46	12000126	Ngô Gia Hân	12B02	012				005	
47	12000136	Nguyễn Văn Hiếu	12B02	003				009	
48	12000163	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	12B02	011				002	
49	12000166	Nguyễn Thị Thu Huyền	12B02	014				005	
50	12000204	Nguyễn Vũ Hà Linh	12B02	014				004	
51	12000208	Trần Thị Thùy Linh	12B02	018				007	
52	12000216	Nguyễn Sỹ Luân	12B02	007				009	
53	12000228	Nguyễn Thị Hồng Mi	12B02	019				008	
54	12000230	Đào Quang Minh	12B02	002				009	
55	12000240	Nguyễn Thị Trà My	12B02	012				004	
56	12000252	Phan Thị Thanh Ngân	12B02	005				003	
57	12000280	Võ Anh Nhật	12B02	014				007	
58	12000338	Nguyễn Đăng Quyền	12B02	015				001	
59	12000362	Nguyễn Xuân Thịnh	12B02	001				004	
60	12000365	Nguyễn Văn Thọ	12B02	004				006	
61	12000372	Nguyễn Thị Thúy	12B02	011				010	
62	12000375	Đoàn Minh Thư	12B02	014				002	
63	12000382	Y Thương Niê	12B02	002				006	
64	12000396	Nguyễn Hà Bảo Trâm	12B02	016				003	
65	12000398	Phạm Lê Thanh Trân	12B02	018				004	
66	12000403	Nguyễn Ngọc Thanh Trinh	12B02	004				006	
67	12000424	Lê Phương Uyên	12B02	006				008	
68	12000432	Lê Thị Bích Vân	12B02	014				001	
69	12000437	Lê Nguyễn Anh Vũ	12B02	019				004	
70	12000441	Nguyễn Vương	12B02	004				006	
71	12000452	Phạm Thị Hải Yến	12B02	015				002	
72	12000026	Vũ Ngọc Quỳnh Anh	12B03	007				003	
73	12000032	Y Ân Krông	12B03	013				008	
74	12000049	Phạm Huỳnh Gia Bảo	12B03	011				005	
75	12000060	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12B03	003				001	
76	12000066	Đỗ Thị Minh Chi	12B03	009				003	
77	12000090	Vương Thị Phương Duyên	12B03	014				007	
78	12000106	Vương Tấn Đạt	12B03	011				004	
79	12000118	Chu Thị Minh Hà	12B03	004				001	
80	12000133	Đào Đức Trung Hiếu	12B03	019				007	

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
81	12000153	Hoàng Thị Đan Huệ	12B03	001				006	
82	12000165	Nguyễn Thị Huyền	12B03	013				004	
83	12000174	Trần Phạm Gia Khang	12B03	003				009	
84	12000180	Đoàn Minh Khoa	12B03	009				002	
85	12000188	Hà Ngọc Lan	12B03	017				004	
86	12000191	Bùi Gia Lâm	12B03	001				006	
87	12000200	Nguyễn Thị Kiều Linh	12B03	010				010	
88	12000202	Nguyễn Thuỳ Linh	12B03	012				002	
89	12000207	Trần Thị Mai Linh	12B03	017				006	
90	12000217	Tạ Thị Lương	12B03	008				010	
91	12000223	Nguyễn Thùy Tường Mai	12B03	014				005	
92	12000259	Nguyễn Bảo Ngọc	12B03	012				007	
93	12000264	Võ Nguyễn Bảo Ngọc	12B03	017				010	
94	12000281	Chu Thị Nhi	12B03	015				008	
95	12000288	Lê Thị Yến Nhi	12B03	003				009	
96	12000297	Vũ Thị Thúy Nhi	12B03	012				003	
97	12000303	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12B03	018				006	
98	12000309	Nguyễn Phát	12B03	005				009	
99	12000331	Nguyễn Thị Minh Phượng	12B03	008				009	
100	12000343	Châu Tấn Tài	12B03	001				004	
101	12000374	Chúc Mỹ Anh Thư	12B03	013				001	
102	12000380	Nguyễn Thái Hoài Thương	12B03	019				004	
103	12000391	Đặng Thị Huyền Trang	12B03	011				002	
104	12000402	Đoàn Hoàng Gia Trinh	12B03	003				005	
105	12000406	Đoàn Thị Thanh Trúc	12B03	007				008	
106	12000418	Trần Thị Bích Tường	12B03	019				006	
107	12000428	Phạm Thị Bảo Uyên	12B03	010				009	
108	12000431	Vũ Phương Uyên	12B03	013				010	
109	12000008	Nguyễn Trọng An	12B04	008	007			002	
110	12000009	Trương Bình An	12B04	009	008			003	
111	12000013	Nguyễn Hà Trúc Anh	12B04	013	010			006	
112	12000015	Nguyễn Phương Anh	12B04	015	011			008	
113	12000028	Ngô Ngọc Ánh	12B04	009	007			004	
114	12000039	Đặng Duy Bảo	12B04	001	003			010	
115	12000046	Lưu Gia Bảo	12B04	008	010			003	
116	12000051	Quách Nguyễn Gia Bảo	12B04	013	001			006	
117	12000053	Phạm Ngọc Bích	12B04	015	002			007	
118	12000058	Nguyễn Ánh Cẩm	12B04	001	005			010	
119	12000070	Trương Chí Công	12B04	013	002			005	
120	12000072	Nguyễn Phú Cường	12B04	015	004			006	
121	12000082	Phạm Nguyễn Trí Dũng	12B04	006	007			003	
122	12000110	Lê Hồng Đức	12B04	015	012			007	
123	12000117	Bùi Văn Giáp	12B04	003	007			010	

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
124	12000144	Nguyễn Huy Hoàng	12B04	011	010			003	
125	12000159	Hồ Quốc Huy	12B04	007	010			009	
126	12000161	Nguyễn Hải Huy	12B04	009	012			001	
127	12000176	Phạm Lương Minh Khánh	12B04	005	007			010	
128	12000183	Nguyễn Duy Khương	12B04	012	012			003	
129	12000192	Hoàng Nhật Lâm	12B04	002	005			007	
130	12000203	Nguyễn Thùy Linh	12B04	013	010			003	
131	12000213	Nguyễn Đình Đại Lộc	12B04	004	004			008	
132	12000219	Nông Thị Khánh Ly	12B04	010	006			002	
133	12000237	Y Minh Kha Niê	12B04	009	003			002	
134	12000241	Trần Thị Trà My	12B04	013	004			005	
135	12000266	Đặng Hồ Bảo Nguyên	12B04	019	004			001	
136	12000298	Cao Thị Cẩm Nhung	12B04	013	001			004	
137	12000322	Nguyễn Công Phúc	12B04	018	004			003	
138	12000323	Nguyễn Trần Minh Phúc	12B04	019	005			004	
139	12000325	Tạ Thị Hồng Phúc	12B04	002	006			006	
140	12000333	Lê Anh Quân	12B04	010	010			010	
141	12000351	Vũ Xuân Thanh	12B04	009	011			007	
142	12000354	Đặng Thanh Thảo	12B04	012	002			009	
143	12000356	Hà Thị Phương Thảo	12B04	014	003			001	
144	12000357	Nguyễn Phương Thảo	12B04	015	004			002	
145	12000361	Nguyễn Hà Thịnh	12B04	019	007			003	
146	12000363	Phạm Quang Thịnh	12B04	002	008			005	
147	12000383	Vũ Trần Bảo Tiên	12B04	003	005			007	
148	12000390	Nguyễn Anh Tôn	12B04	010	012			001	
149	12000405	Phan Vũ Trụ	12B04	006	009			007	
150	12000409	Nguyễn Văn Trường	12B04	010	011			001	
151	12000416	Phạm Minh Tuấn	12B04	017	006			005	
152	12000436	Hứa Văn Vũ	12B04	018	004			003	
153	12000444	Phạm Phương Vy	12B04	007	008			008	
154	12000001	H-Anh Thư-niê	12B05	001	001			001	
155	12000019	Nguyễn Vũ Châu Anh	12B05	019	002			010	
156	12000024	Võ Ngọc Trâm Anh	12B05	005	004			002	
157	12000029	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12B05	010	008			005	
158	12000031	Y Anh Khoa Niê	12B05	012	009			007	
159	12000040	Đậu Gia Bảo	12B05	002	004			001	
160	12000041	Đinh Nho Bảo	12B05	003	005			002	
161	12000068	Lê Đình Chiến	12B05	011	012			004	
162	12000079	Bùi Lê Minh Dũng	12B05	003	005			001	
163	12000084	Trương Quang Dũng	12B05	008	009			004	
164	12000085	Nguyễn Lê Anh Duy	12B05	009	010			005	
165	12000107	Đặng Thế Đăng	12B05	012	010			005	
166	12000112	Trịnh Công Đức	12B05	017	002			008	

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
167	12000115	Nguyễn Ngọc Trà Giang	12B05	001	005			009	
168	12000130	Nguyễn Thị Hòa Hậu	12B05	016	001			006	
169	12000134	Hồ Trọng Hiếu	12B05	001	003			008	
170	12000139	Võ Trịnh Ngọc Hoa	12B05	006	005			002	
171	12000152	Nguyễn Thị Bách Hợp	12B05	019	005			005	
172	12000157	Trương Quang Hùng	12B05	005	008			008	
173	12000160	Lưu Gia Huy	12B05	008	011			010	
174	12000218	Nguyễn Vy Khánh Ly	12B05	009	005			001	
175	12000227	Hoàng Thị Thảo Mí	12B05	018	010			007	
176	12000231	Hà Đức Minh	12B05	003	011			010	
177	12000242	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	12B05	014	005			006	
178	12000248	Huỳnh Lê Kim Ngân	12B05	001	008			010	
179	12000262	Trần Bảo Ngọc	12B05	015	002			009	
180	12000269	Hồ Ngọc Nguyên	12B05	003	006			003	
181	12000290	Lưu Yến Nhi	12B05	005	007			001	
182	12000316	Nguyễn Duy Phú	12B05	012	012			010	
183	12000339	Nguyễn Quốc Quyền	12B05	016	002			002	
184	12000344	Võ Văn Tài	12B05	002	005			005	
185	12000352	Hoàng Trung Thành	12B05	010	012			008	
186	12000378	Vũ Ngọc Anh Thư	12B05	017	003			003	
187	12000381	Nguyễn Thị Hoài Thương	12B05	001	004			005	
188	12000384	Hoàng Đình Minh Tiến	12B05	004	006			008	
189	12000385	Lăng Quang Tiến	12B05	005	007			009	
190	12000386	Lê Quang Tiến	12B05	006	008			010	
191	12000408	Nguyễn Thành Trung	12B05	009	010			010	
192	12000410	Nguyễn Anh Tú	12B05	011	012			002	
193	12000411	Nguyễn Hoàng Anh Tú	12B05	012	001			003	
194	12000412	Nguyễn Tuấn Tú	12B05	013	002			004	
195	12000423	Lăng Thị Minh Uyên	12B05	005	012			007	
196	12000011	Lại Thị Anh	12B06	011			007	005	
197	12000016	Nguyễn Quỳnh Anh	12B06	016			009	009	
198	12000037	Dương Quốc Bảo	12B06	018			010	009	
199	12000080	Hoàng Tiến Dũng	12B06	004			009	002	
200	12000098	Đỗ Quý Đạt	12B06	003			007	002	
201	12000119	Nguyễn Thị Ngọc Hà	12B06	005			008	002	
202	12000138	Trần Thị Yến Hoa	12B06	005			008	001	
203	12000151	Nguyễn Ngọc Hồng	12B06	018			008	004	
204	12000169	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	12B06	017			004	006	
205	12000172	Hồ Lại Gia Khang	12B06	001			007	007	
206	12000179	Dương Anh Khoa	12B06	008			011	001	
207	12000195	Dương Bảo Khánh Linh	12B06	005			010	008	
208	12000199	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	12B06	009			003	009	
209	12000205	Phạm Hồ Nhật Linh	12B06	015			004	005	

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
210	12000222	Nguyễn Thị Mai	12B06	013			002	004	
211	12000224	Trần Thị Phương Mai	12B06	015			003	006	
212	12000239	Lê Hà My	12B06	011			001	003	
213	12000247	H - Ngân Krông	12B06	019			004	009	
214	12000249	Lê Thị Kiều Ngân	12B06	002			005	001	
215	12000256	Đinh Nữ Thanh Ngọc	12B06	009			009	005	
216	12000258	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	12B06	011			011	006	
217	12000260	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	12B06	013			001	008	
218	12000268	Hoàng Thị Thảo Nguyên	12B06	002			006	002	
219	12000273	Lê Hoàng Ánh Nguyệt	12B06	007			009	005	
220	12000289	Lương Yến Nhi	12B06	004			010	010	
221	12000317	Phạm Hữu Phú	12B06	013			006	001	
222	12000319	Hồ Thị Diễm Phúc	12B06	015			008	002	
223	12000324	Phạm Hoàng Phúc	12B06	001			011	005	
224	12000326	Trần Duy Phúc	12B06	003			001	007	
225	12000346	Ngô Thị Minh Tâm	12B06	004			002	006	
226	12000368	Chu Quỳnh Thơ	12B06	007			003	007	
227	12000369	Lê Đình Thuận	12B06	008			004	008	
228	12000370	Nguyễn Ngọc Thuận	12B06	009			005	009	
229	12000407	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12B06	008			001	009	
230	12000443	Nguyễn Tường Vy	12B06	006			009	007	
231	12000448	H - Xuyen - Mlô	12B06	011			002	009	
232	12000450	Hoàng Diệu Yến	12B06	013			004	010	
233	12000004	Đặng Quốc An	12B07	004	003	003	003		
234	12000012	Nguyễn Đặng Diệu Anh	12B07	012	009	007	008		
235	12000017	Nguyễn Thị Thảo Anh	12B07	017	012	008	010		
236	12000025	Vũ Hà Quỳnh Anh	12B07	006	005	003	004		
237	12000034	Bùi Đình Bảo	12B07	015	011	006	007		
238	12000036	Châu Chí Bảo	12B07	017	001	008	009		
239	12000045	Lê Phương Gia Bảo	12B07	007	009	003	004		
240	12000121	Lê Hoàng Hải	12B07	007	008	008	009		
241	12000131	Phạm Ngọc Hiền	12B07	017	002	005	005		
242	12000146	Nguyễn Lê Hoàng	12B07	013	012	003	003		
243	12000156	Trần Quốc Hùng	12B07	004	007	009	010		
244	12000168	Phạm Khánh Hưng	12B07	016	003	003	003		
245	12000177	Phạm Thị Ngọc Khánh	12B07	006	008	007	009		
246	12000190	Vy Thị Diệu Lành	12B07	019	004	005	007		
247	12000225	Lê Đức Mạnh	12B07	016	008	009	004		
248	12000246	ĐỖ THỊ THÚY NGÀ	12B07	018	007	008	003		
249	12000251	Nguyễn Thảo Ngân	12B07	004	009	009	006		
250	12000261	Trần Bảo Ngọc	12B07	014	001	003	002		
251	12000274	Đặng Trần Quỳnh Nhân	12B07	008	009	009	010		
252	12000276	Lê Hoàng Thiện Nhân	12B07	010	010	010	011		

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
253	12000277	Nguyễn Thiện Nhân	12B07	011	011	001	001		
254	12000282	Đỗ Hoàng Tuệ Nhi	12B07	016	002	004	004		
255	12000295	Trần Bình Bảo Nhi	12B07	010	011	003	003		
256	12000296	Trần Lương Yến Nhi	12B07	011	012	004	004		
257	12000306	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	12B07	002	004	008	008		
258	12000312	Lê Cao Hồng Phong	12B07	008	008	003	002		
259	12000321	Ngô Huỳnh Bảo Phúc	12B07	017	003	009	010		
260	12000327	Nguyễn Trần Chí Phước	12B07	004	007	010	002		
261	12000342	Đặng Dương An Sinh	12B07	019	004	009	011		
262	12000347	Nguyễn Thùy Thanh Tâm	12B07	005	007	001	003		
263	12000348	Nguyễn Công Tấn	12B07	006	008	002	004		
264	12000366	Trần Thị Xuân Thọ	12B07	005	010	010	001		
265	12000376	Phạm Lại Anh Thư	12B07	015	001	004	008		
266	12000377	Phạm Lê Anh Thư	12B07	016	002	005	009		
267	12000388	Vũ Ngọc Tính	12B07	008	010	008	001		
268	12000401	Nguyễn Mạnh Triết	12B07	002	007	007	010		
269	12000419	Lê Thế Gia Uy	12B07	001	008	003	006		
270	12000422	Bùi Ngọc Uyên	12B07	004	011	006	009		
271	12000426	Nguyễn Phương Uyên	12B07	008	002	008	011		
272	12000427	Nguyễn Thị Khánh Uyên	12B07	009	003	009	001		
273	12000439	Nguyễn Hoàng Vũ	12B07	002	005	004	006		
274	12000440	Phạm Huy Vũ	12B07	003	006	005	007		
275	12000005	Lâm Võ Trường An	12B08	005	004	004	004		
276	12000047	Nguyễn Đức Gia Bảo	12B08	009	011	004	005		
277	12000059	Hoàng Minh Châu	12B08	002	006	009	010		
278	12000100	Hoàng Văn Đạt	12B08	005	005	008	009		
279	12000104	Trần Huy Đạt	12B08	009	008	001	001		
280	12000116	Nguyễn Thị Trà Giang	12B08	002	006	007	007		
281	12000124	Ngô Thị Mỹ Hạnh	12B08	010	010	001	001		
282	12000155	Trần Mạnh Hùng	12B08	003	006	008	009		
283	12000178	Trần Minh Gia Khánh	12B08	007	009	008	010		
284	12000186	Văn Thị Lam	12B08	015	002	003	005		
285	12000187	Đỗ Thị Ngọc Lan	12B08	016	003	004	006		
286	12000194	Bùi Thị Diệu Linh	12B08	004	006	007	009		
287	12000196	Lê Thị Thu Linh	12B08	006	007	008	011		
288	12000210	Lê Phi Long	12B08	001	001	003	007		
289	12000211	Phan Thiên Long	12B08	002	002	004	008		
290	12000221	Vũ Ngọc Thảo Ly	12B08	012	007	008	001		
291	12000226	Nguyễn Đức Mạnh	12B08	017	009	010	005		
292	12000232	Lê Nhật Minh	12B08	004	012	002	007		
293	12000233	Nguyễn Bảo Minh	12B08	005	001	003	008		
294	12000243	Đỗ Hải Nam	12B08	015	006	007	002		
295	12000254	Vũ Nguyễn Thiên Ngân	12B08	007	010	010	007		

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
296	12000255	Ngô Xuân Nghĩa	12B08	008	011	001	008		
297	12000270	Nguyễn Khôi Nguyên	12B08	004	007	007	007		
298	12000272	Võ Đình Nguyên	12B08	006	008	008	008		
299	12000279	Trần Nguyễn Minh Nhật	12B08	013	001	003	003		
300	12000287	Lê Nguyễn Quỳnh Nhi	12B08	002	006	009	009		
301	12000292	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	12B08	007	008	010	011		
302	12000294	Tạ Thị Yến Nhi	12B08	009	010	002	002		
303	12000315	Trần Tuấn Phong	12B08	011	011	006	005		
304	12000329	Nguyễn Bùi Đông Phương	12B08	006	008	001	003		
305	12000330	Nguyễn Vũ Diệu Phương	12B08	007	009	002	004		
306	12000335	Phạm Hữu Quý	12B08	012	012	005	007		
307	12000350	Nguyễn Thành Thanh	12B08	008	010	004	006		
308	12000373	Bùi Hồ Anh Thư	12B08	012	012	003	007		
309	12000393	Trần Thị Thùy Trang	12B08	013	002	001	004		
310	12000413	Võ Thị Thanh Tú	12B08	014	003	009	002		
311	12000420	Nguyễn Uy	12B08	002	009	004	007		
312	12000421	Phạm Nguyễn Vĩnh Uy	12B08	003	010	005	008		
313	12000006	Lê Cao Gia An	12B09	006	005	005	005		
314	12000018	Nguyễn Việt Anh	12B09	018	001	009	011		
315	12000035	Cao Gia Bảo	12B09	016	012	007	008		
316	12000042	Hồ Phạm Phi Bảo	12B09	004	006	010	001		
317	12000044	Huỳnh Quốc Bảo	12B09	006	008	002	003		
318	12000065	Bùi Thị Lan Chi	12B09	008	010	003	003		
319	12000069	Nguyễn Văn Chung	12B09	012	001	005	005		
320	12000081	Nguyễn Đình Dũng	12B09	005	006	009	010		
321	12000091	Lê Minh Dương	12B09	015	002	004	004		
322	12000101	Lưu Thành Đạt	12B09	006	006	009	010		
323	12000111	Trần Anh Đức	12B09	016	001	004	004		
324	12000114	Đồng Hồ Tiến Giang	12B09	019	004	006	006		
325	12000123	Phạm Hoàng Hải	12B09	009	009	010	011		
326	12000128	Trương Bảo Hân	12B09	014	011	003	003		
327	12000142	Nguyễn Thu Hoài	12B09	009	008	010	011		
328	12000143	Nguyễn Văn Hoàn	12B09	010	009	001	001		
329	12000145	Nguyễn Huy Hoàng	12B09	012	011	002	002		
330	12000149	Nguyễn Công Quốc Hội	12B09	016	003	006	006		
331	12000212	Đặng Bá Lộc	12B09	003	003	005	009		
332	12000284	Hồ Ngọc Tường Nhi	12B09	018	004	006	006		
333	12000285	Hồ Thị Yến Nhi	12B09	019	005	007	007		
334	12000313	Nguyễn Đoàn Tấn Phong	12B09	009	009	004	003		
335	12000320	Khương Hoàng Phúc	12B09	016	002	008	009		
336	12000334	Nguyễn Sỹ Quốc	12B09	011	011	004	006		
337	12000336	Trần Thị Thu Quyên	12B09	013	001	006	008		
338	12000359	Nguy Quốc Thiên	12B09	017	006	007	009		

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
339	12000364	Nguyễn Trần Tuấn Thọ	12B09	003	009	009	011		
340	12000387	Võ Hữu Tiến	12B09	007	009	007	011		
341	12000394	Vũ Uyên Trang	12B09	014	003	002	005		
342	12000395	Dương Thị Kiều Trâm	12B09	015	004	003	006		
343	12000399	Trần Niê Bảo Ngọc	12B09	019	005	005	008		
344	12000400	Bùi Thiên Trí	12B09	001	006	006	009		
345	12000415	Nguyễn Văn Tuấn	12B09	016	005	001	004		
346	12000442	Chu Thị Yến Vy	12B09	005	007	006	008		
347	12000447	Bùi Thị Thanh Xuân	12B09	010	010	009	001		
348	12000033	Bùi Đình Bảo	12B10	014	010	005	006		
349	12000038	Dương Văn Bảo	12B10	019	002	009	011		
350	12000050	Phạm Phan Công Bảo	12B10	012	012	005	006		
351	12000056	Trương Thanh Bình	12B10	018	003	007	008		
352	12000057	Võ Phạm Long Bình	12B10	019	004	008	009		
353	12000061	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12B10	004	007	010	011		
354	12000062	Nguyễn Thị Ngọc Châu	12B10	005	008	001	001		
355	12000063	Phạm Minh Châu	12B10	006	009	002	002		
356	12000086	Phan Phạm Bảo Duy	12B10	010	011	001	001		
357	12000089	Phùng Thị Mỹ Duyên	12B10	013	001	003	003		
358	12000095	Trần Hậu Đại	12B10	019	004	006	006		
359	12000103	Trần Đăng Đạt	12B10	008	007	010	011		
360	12000109	Hoàng Minh Đức	12B10	014	011	003	003		
361	12000135	Nguyễn Anh Hiếu	12B10	002	004	007	007		
362	12000140	Nguyễn Văn Hoà	12B10	007	006	008	009		
363	12000148	Vũ Lưu Huy Hoàng	12B10	015	002	005	005		
364	12000150	Lưu Thị Hồng	12B10	017	004	007	007		
365	12000158	Bùi Quang Huy	12B10	006	009	010	011		
366	12000162	Trần Nguyễn Bá Huy	12B10	010	001	001	001		
367	12000167	Hoàng Gia Hưng	12B10	015	002	002	002		
368	12000170	Nguyễn Văn Hương	12B10	018	004	004	005		
369	12000171	Dương Thế Đức Khải	12B10	019	005	005	006		
370	12000181	Hoàng Đăng Khoa	12B10	010	010	009	001		
371	12000185	Nguyễn Thanh Lam	12B10	014	001	002	004		
372	12000197	Lê Thị Thùy Linh	12B10	007	008	009	001		
373	12000198	Nguyễn Mai Linh	12B10	008	009	010	002		
374	12000209	Đặng Như Long	12B10	019	012	002	006		
375	12000265	Dương Thị Thảo Nguyên	12B10	018	003	005	004		
376	12000267	Đồng Tấn Nguyên	12B10	001	005	006	005		
377	12000278	Phan Văn Thiện Nhân	12B10	012	012	002	002		
378	12000283	Hoàng Thị Yến Nhi	12B10	017	003	005	005		
379	12000310	Nguyễn Văn Phi	12B10	006	007	001	011		
380	12000314	Nguyễn Lê Vũ Phong	12B10	010	010	005	004		
381	12000349	Nguyễn Hoàng Thanh	12B10	007	009	003	005		

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
382	12000389	Nguyễn Quốc Toàn	12B10	009	011	009	002		
383	12000425	Lê Thị Phương Uyên	12B10	007	001	007	010		
384	12000002	Y-khương-niê	12B11	002		001	001		
385	12000021	Phan Nguyễn Kiều Anh	12B11	002		001	002		
386	12000022	Thân Nguyễn Quỳnh Anh	12B11	003		002	003		
387	12000052	Đỗ Tuyết Băng	12B11	014		006	007		
388	12000073	Phan Ngọc Diễm	12B11	016		007	007		
389	12000076	Nguyễn Ngọc Huyền Diễm	12B11	019		008	008		
390	12000099	Đỗ Tiến Đạt	12B11	004		007	008		
391	12000122	Nguyễn Hữu Hải	12B11	008		009	010		
392	12000127	Trần Gia Hân	12B11	013		002	002		
393	12000132	Phạm Ngọc Hiệp	12B11	018		006	006		
394	12000184	Nguyễn Trần Thiên Kim	12B11	013		001	003		
395	12000193	H' Le Ni - Mlô	12B11	003		006	008		
396	12000214	Phạm Hồng Lộc	12B11	005		006	010		
397	12000215	Trần Thảo Lộc	12B11	006		007	011		
398	12000229	Y Mifa Không	12B11	001		001	006		
399	12000236	Vũ Thiện Minh	12B11	008		005	010		
400	12000238	Hà My	12B11	010		006	011		
401	12000263	Trần Thị Ánh Ngọc	12B11	016		004	003		
402	12000286	Hồ Vũ Uyên Nhi	12B11	001		008	008		
403	12000302	Hồ Nguyễn Quỳnh Như	12B11	017		007	007		
404	12000311	Dương Lê Gia Phong	12B11	007		002	001		
405	12000332	Nguyễn Thị Trúc Phượng	12B11	009		003	005		
406	12000337	Vũ Thị Quyên	12B11	014		007	009		
407	12000360	Nguyễn Văn Đức Thiện	12B11	018		008	010		
408	12000367	Y Thông Niê	12B11	006		001	002		
409	12000379	Trần Hà Duy Thúc	12B11	018		006	010		
410	12000397	Võ Thị Bích Trâm	12B11	017		004	007		
411	12000429	Phạm Thị Hồng Uyên	12B11	011		010	002		
412	12000430	Trần Thái Phương Uyên	12B11	012		001	003		
413	12000433	Bùi Thị Thảo Vi	12B11	015		002	004		
414	12000435	Phạm Quốc Việt	12B11	017		003	005		
415	12000445	Phạm Thị Yến Vy	12B11	008		007	010		
416	12000449	Đào Thị Như Yên	12B11	012		010	003		
417	12000003	Đặng Đình An	12B12	003	002	002	002		
418	12000007	Nguyễn Nhật An	12B12	007	006	006	006		
419	12000020	Phạm Việt Anh	12B12	001	003	010	001		
420	12000027	Vũ Quang Anh	12B12	008	006	004	005		
421	12000043	Hồ Văn Gia Bảo	12B12	005	007	001	002		
422	12000067	Đường Xuân Chi	12B12	010	011	004	004		
423	12000071	Hoàng Vi Cương	12B12	014	003	006	006		
424	12000083	Trần Mạnh Dũng	12B12	007	008	010	011		

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Lớp	Văn, Toán, Anh, Sử	Lý	Hóa	Sinh	Địa	Ghi chú
425	12000088	Lê Cao Kỳ Duyên	12B12	012	012	002	002		
426	12000094	Vũ Thùy Dương	12B12	018	003	005	005		
427	12000105	Vũ Khắc Đạt	12B12	010	009	002	002		
428	12000113	Đặng Ngọc Hoàng Gia	12B12	018	003	005	005		
429	12000129	Nguyễn Thế Hậu	12B12	015	012	004	004		
430	12000141	Nguyễn Tấn Hòa	12B12	008	007	009	010		
431	12000147	Nguyễn Văn Hoàng	12B12	014	001	004	004		
432	12000175	Ngô Đình Minh Khánh	12B12	004	006	006	008		
433	12000182	Thân Đức Hoàng Khôi	12B12	011	011	010	002		
434	12000206	Tô Hà Linh	12B12	016	011	001	005		
435	12000235	Nguyễn Văn Minh	12B12	007	002	004	009		
436	12000257	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	12B12	010	012	002	010		
437	12000293	Nguyễn Vũ Yến Nhi	12B12	008	009	001	001		
438	12000299	Đặng Quỳnh Như	12B12	014	002	005	005		
439	12000300	Đỗ Thị Gia Như	12B12	015	003	006	006		
440	12000307	Bùi Văn Phát	12B12	003	005	009	009		
441	12000308	Lê Tiến Phát	12B12	004	006	010	010		
442	12000318	Đào Đức Phúc	12B12	014	001	007	007		
443	12000340	Nguyễn Quang Sáng	12B12	017	003	008	010		
444	12000345	Đào Hoàng Tâm	12B12	003	006	010	001		
445	12000353	Vũ Tiến Thành	12B12	011	001	005	007		
446	12000358	Nguyễn Vũ Yến Thi	12B12	016	005	006	008		
447	12000371	Trần Nguyễn Đức Thùy	12B12	010	011	002	006		
448	12000392	Nguyễn Lê Thu Trang	12B12	012	001	010	003		
449	12000404	Bùi Đình Trọng	12B12	005	008	008	011		
450	12000414	Vương Thị Cẩm Tú	12B12	015	004	010	003		
451	12000417	Nguyễn Cát Tường	12B12	018	007	002	005		
452	12000446	Đào Lê Huyền Vy	12B12	009	009	008	011		

Danh sách này có 452 học sinh.

Ea Kar, ngày 27 tháng 10 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Khanh